

Bản án số: 131/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12/10/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hoài Nam.
2. Bà Cao Thị Ngọc Đạo.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST- HNGĐ ngày 11/7/2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị X, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Khối L H, phường Q T, thị xã T H, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018, bản tự khai ngày 11/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị X và anh L có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06 tháng 8 năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống với nhau không hòa thuận, không hiểu tính cách của nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến xô xát; chị cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L vẫn không chịu thay đổi, do đó vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên chị X và anh L sống ly thân từ cuối năm 2012 đến nay.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị X được ly hôn anh Trần Ngọc L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc Bảo L, sinh ngày 21/9/2010, hiện nay cháu L đang ở với anh L. Khi ly hôn chị X đồng ý giao cháu L cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng/tháng).

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị X, anh L không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

*Tại đơn trình bày ngày 15/7/2018, đơn yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 15/7/2018, bị đơn anh Trần Ngọc L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị X tự nguyện tìm hiểu đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/8/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, cho đến cuối năm 2012 thì vợ chồng anh sống ly thân cho đến bây giờ. Nay chị X có đơn khởi kiện xin ly hôn, anh thấy tình cảm giữa anh với chị X không còn, nên anh đồng ý ly hôn với chị X.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc Bảo L, sinh ngày : 21/9/2010, hiện nay cháu L đang ở với gia đình anh (bên nội). Khi ly hôn anh yêu cầu được nhận nuôi cháu L và không cần chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Trần Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại Xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Ngọc L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 15/7/2018; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị X và anh Trần Ngọc L đã tự tìm hiểu với nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 06/8/2010, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống với nhau chị X và anh L thường cãi nhau dẫn đến xô xát, nguyên nhân xuất phát từ vợ chồng không hiểu tính cách của nhau; vì vậy, vợ chồng không còn chăm sóc, yêu thương nhau nên chị X và anh L từ cuối năm 2012 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn của chị X là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận đơn khởi kiện về việc chị Phạm Thị X ly hôn với anh Trần Ngọc L.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị X và anh L có 01 người con chung, tên là Trần Ngọc Bảo L, sinh ngày 21/9/2010, hiện đang do anh L nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị X tự nguyện giao cháu L cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu L sống ổn định với anh L và bà nội, cháu L đã có đơn nguyện vọng được ở với ba (anh L), nên chấp nhận yêu cầu của chị X giao cháu Trần Ngọc Bảo L cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Phạm Thị X tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Bảo L mỗi tháng 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị X là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị X.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, nên không xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] *Kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị X và anh Trần Ngọc L.
2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Trần Ngọc Bảo L, sinh ngày 21/9/2010, hiện đang do anh L nuôi dưỡng cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Phạm Thị X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Phạm Thị X phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000828 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; chị X còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5. *Kháng cáo:* Nguyên đơn chị Phạm Thị X có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, nơi bị đơn anh Trần Ngọc L cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*( Đã ký)*

**Phan Hoàng**

